TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh

2. Ông Trần Văn Hoa

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Quang Thi – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh N – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 237/2024/TLST-HNGĐ 06 tháng 6 năm 2024 về việc "*ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H2 năm 1990; địa chỉ: Tổ F, thôn F, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Đinh Văn H3 năm 1985; địa chỉ: Tổ F, thôn F, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà H2 có đơn xin vắng mặt, ông H3 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà H2 và ông Đinh Văn H3 tự nguyện chung sống từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17-8-2009.

Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, nhiều mâu thuẫn nhỏ nhặt không thể hoà giải được. Mặt khác ông H3 thường xuyên chơi đề, đánh đập bà, không phụ giúp chăm sóc con cái. Bà và gia đình đã khuyên can nhiều lần nhưng ông H3 không thay đổi dẫn tới tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà H2 xác định không thể chung sống với ông H3 được nữa và đề nghị Tòa án giải

quyết cho bà được ly hôn với ông H3.

Về con chung: Bà H2 và ông H3 có 03 con chung Đinh Nguyễn Duy K, sinh ngày 03-01-2010; Đinh Nguyễn Duy P, sinh ngày 22-10-2011 và Đinh Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21-5-2015. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị H2 yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu ông H3 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà H2 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Đinh Văn H3 trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn ông H3, để ông H3 thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng ông H3 vắng mặt theo các giấy triệu tập, thông báo, quyết định của Tòa án mà không có lý do chính đáng và cũng không thể hiện ý kiến, cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Đinh Văn H3 vắng mặt.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc bà H2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H2 có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Văn H3, sinh năm 19; địa chỉ: Tổ F, thôn F, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và yêu cầu về nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H2 có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đinh Văn H3 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng ông H3 vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H2, ông H3.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H2 và ông Đinh Văn H3 tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2009 ngày 17-8-2009 nên hôn nhân của ông bà được công nhận là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H2:

Theo bà H2 trình bày thì quá trình ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, ông H3 thường xuyên chơi đề, đánh đập bà, không phụ giúp chăm sóc con cái dẫn tới mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hoà giải được. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông H3 không tham gia tố tụng, không có ý kiến để hàn gắn tình cảm gia đình. Bà H2 xác định mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đến nay bà H2 không còn tình cảm với ông H3 nên yêu cầu được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H2 về việc xin ly hôn với ông H3 là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H2 và ông Đinh Văn H3 có 03 con chung là Đinh Nguyễn Duy K, sinh ngày 03-01-2010; Đinh Nguyễn Duy P, sinh ngày 22-10-2011 và Đinh Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21-5-2015. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị H2 được nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông H3 cấp dưỡng nuôi con.

Tại lời khai của cháu K, cháu P, cháu D có tại hồ sơ, các cháu cũng có nguyện vọng được bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Xét cháu K, cháu P, cháu D đang ở cùng bà H2, ở liên tục, ổn định, bà H2 vẫn chăm sóc tốt cho các cháu, các cháu có nguyện vọng được sống chung với bà H2. Để ổn định cuộc sống, cũng như đảm bảo về sự phát triển về thể chất, tinh thần và quyền lợi cho cháu K, cháu P, cháu D, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu K, cháu P, cháu D cho bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con bà H2 không yêu cầu nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bà H2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H2 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H2 được ly hôn với ông Đinh Văn H3.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Nguyễn Thị H2 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các cháu Đinh Nguyễn Duy K, sinh ngày 03-01-2010; Đinh Nguyễn Duy P, sinh ngày 22-10-2011 và Đinh Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21-5-2015. Ông Đinh Văn H3 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Đinh Văn H3 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H2 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001023 ngày 06-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà H2 đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23-8-2024) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H. C, tỉnh BR-VT;
- UBND xã B;
- Chi cục thi THADS H. C;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Tình